**TUẦN 15**

**Ngày soạn: 10/12/2022**

**Ngày giảng: Thứ hai ngày 12 tháng 12 năm 2022**

**CHỦ ĐỀ 4: AN TOÀN CHO EM**

**Tiết 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**DIỄN ĐÀN PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết được các hình thức bạo lực học đường và tác hại của bạo lực học đường;

- Có thái độ không đồng tình với hành vi bạo lực học đường;

- Có ý thức giải quyết mâu thuẫn theo hướng tích cực;

- Bước đầu biết cách giải quyết mâu thuẫn theo hước túch cực.

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**a) Đối với giáo viên:**

- Địa điểm; hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động;

- Xây dựng kịch bản chương trình; tư vấn cho lớp trực tuần tổ chức hoạt động;

- Bảng, bút viết;

- Các tình huống bạo lực học đường xảy ra với HS.

**b) Đối với học sinh:**

- HS lớp trực tuần chuẩn bị nội dung về các hình thức bạo lực học đường và tác tác hại của bạo lực học đường;

- HS toàn trường nhớ lạ, thu thập các hiện tượng bạo lực học đường đã xảy ra.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Chào cờ:**  - Ổn định tổ chức (xếp hàng…)  - HS điều khiển lễ chào cờ  -Toàn trường hát Quốc ca, Đội ca.  - LĐT nhận xét thi đua  - TPT hoặc BGH triển khai kế hoạch tuần mới.  **2. Hoạt động 2: Nhận biết các biểu hiện bạo lực học đường và tác hại của bạo lực học đường**  - HS đại diện lớp trực tuần – dẫn chương trình và nêu vấn đề: Bạo lực học đường đang là vấn nạn có ảnh hưởng rất xấu đến tâm lí, sức khoẻ của người bị bạo lực, theo các bạn:  1)Bạo lực học đường thường biểu hiện dưới các hình thức nào?  2)Bạo lực học đường gây tác hại như thế nào đối với người bị bạo lực, người chứng kiến?  3)Chúng ta có chấp nhận một môi trường nhà trường hay lớp học xảy ra những hiện tượng bạo lực học đường không?  - Khi đã hết ý kiến người dẫn chương trình tổng hợp ý kiến và bổ sung thêm những nội dung đã chuẩn bị về các hình thức bạo lực học đường, tác hại của nó. Do đó, không thể để hiện tượng bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường cũng như trong từng lớp học.  **3.Hoạt động 3: Giải quyết mâu thuẫn tích cực để phòng, tránh bạo lực học đường.**  - Lớp trực tuần tập hợp các tình huống chứa đựng mâu thuẫn giữa HS trong lớp, trong trường và lựa chọn những tình huống điển hình nhất (tránh nói tên và lớp của những bạn có mẫu thuẫn) để nêu ra cho các bạn tìm cách giải quyết tích cực, mang tính xây dựng.  - Với từng tình huống đều khích lệ các bạn trong trường đưa ra những cách giải quyết mà theo các bạn đó là tích cực mang tính xây dựng.  - Đại diện lớp trực tuần tổng hợp các cách giải quyết đã được đưa ra đối với từng tình huống, phân tích ưu điểm và hạn chế của từng cách giải quyết để các bạn chọn ra những cách giải quyết phù hợp cho tình huống.  - Hỏi: Nếu một bên thiện chí muốn giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, nhưng bên kia không hợp tác thì chúng ta phải làm gì?  - Ghi nhận những ý kiến đúng của các bạn và đưa ra thông điệp: Lúc đó cần kiếm tìm sự giúp đỡ của thầy cô, BGH nhà trường, TPT, bác bảo vệ ...  **4. Hoạt động tiếp nối:**  - Yêu cầu các lớp tiếp tục vận dụng những hiểu biết sau hoạt động vào giải quyết các mâu thuẫn gặp phải trong quá trình học tập, vui chơi.  **\* Đánh giá:**  - Yêu cầu HS trả lời: Nếu em thấy hiện tượng bạo lực học đường, em sẽ làm gì?  - Yêu cầu HS chia sẻ thu hoạch của bản thân sau hoạt động. | - Học sinh tham gia  - HS tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến.  -HS tham gia giải quyết các mâu thuẫn.  -HS lắng nghe.  - HS tham gia nêu ý kiến.  -HS tham gia phát biểu ý kiến. |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 66: UÔI – UÔM (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vẩn uôi, uôm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vẩn uôi, uôm; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vẩn uôi, uôm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vẩn uôi, uôm. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vẩn uôi, uôm có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng nói về việc đi lại trên biển. Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết cảnh sắc bình minh trên biển, các phương tiện trên biển (thuyên buồm, tàu đánh cá) và các hoạt động trên biển; suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cánh buồm căng gió, cảnh sắc và các hoạt động lúc bình minh trên biển).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống trên biển thông qua các hình ảnh trong bài.

**\* Mục tiêu riêng học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần uôi, uôm. Biết tô chữ uôi, uôm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** | **Hs Đại** |
| **(5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Tổ chức trò chơi: **Chiếc hộp kì diệu**  + GV chuẩn bị các phiếu ghi từ ngữ chứa vần đã ôn trong bài 65, cho học sinh vừa hát vừa chuyền hộp, khi có hiệu lệnh dừng của GV, chiếc hộp dừng lại tại HS nào thì em đó được quyền bốc thăm phiếu và đọc to, nếu HS đọc tốt thì được khen một tràng pháo tay, nếu HS đọc chưa được GV nhờ HS khác giúp đỡ.  *xung phong, xanh biếc, hiểu biết, trùng điệp, yêu mến, yên tĩnh*  *tiếng trống, khu rừng, khiêm tốn*  *rong biển*  - GV và cả lớp tuyên dương HS sau mỗi lần đọc đúng.  - GV tổng kết trò chơi.  - Dẫn vào bài: | | - HS tham gia chơi.  - HS vỗ tay.  - HS lắng nghe. | - Hs tham gia chơi  - HS lắng nghe. |
|  | **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |  |
| **(8’)1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  - GV đọc chậm rãi câu dưới tranh:  *Thuyền buồm/ xuôi/ theo chiều gió.*  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV yêu cầu HS đọc lại câu nhận biết một số lần: *Thuyền buồm/ xuôi/ theo chiều gió.*  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng: buồm chứa vần uôm, xuôi chứa vần uôi được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta vần uôi, uôm.  - GV viết tên bài lên bảng: Bài 66: uôi, uôm | | - Một số (2 - 3) HS trả lời.HS: Em thấy có những chiếc thuyền buồm trên biển  - HS đọc theo.  - HS đọc theo.  - HS lắng nghe. | - Hs quan sát tranh.  - HS lắng nghe. |
| **(15’)2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần**  \* Vần uôi:  - GV giới thiệu vần uôi  - GV đánh vần mẫu  - Yêu cầu HS đọc trơn uôi  - Yêu cầu gài vần uôi  \* Vần uôm: Tương tự uôi  - Yêu cầu HS so sánh uôi và uôm  - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau đó.  - Yêu cầu đọc đồng thanh 2 vần 1 lần  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: xuôi  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “uôi”, muốn có tiếng “xuôi” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “xuôi”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “xuôi”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “xuôi”.  **\* Đọc tiếng trong SHS:**  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: muối, muỗi, nguội, tuổi  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: buồm, muỗm, nhuốm, nhuộm  - Đọc tất cả các tiếng  - YC HS gài vào bảng gài các tiếng có chứa vần uôi, uôm; trao đổi cùng bạn cùng bàn.  - GV cho một số em lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu hs đọc, H:  + Đọc tiếng chứa vần uôi, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  + Đọc tiếng chứa vần uôm, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  - GV yêu cầu HS đọc trơn ĐT những tiếng vừa ghép được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “con suối”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “con suối”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “suối”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “con suối”  \* Tương tự: buổi sáng, quả muỗm  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. | | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS gài vần uôi  - Giống : cùng có uô đầu vần  - Khác : uôi có i cuối vần, uôm có m cuối vần  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS: Thêm âm x trước vần uôi.  - 4-5 HS đánh vần, đồng thanh.  - 4-5 HS đọc trơn tiếng mẫu, đồng thanh.  - HS phân tích  + HS: Giống nhau là các tiếng trên đều có vần uôi.  + HS đánh vần nối tiếp.  + HS đọc trơn cá nhân, ĐT.  - 3 - 4 HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai vần.  - HS TLN 2 và gài các tiếng có chứa vần uôi, uôm  - HS đại diện trình bày.  + 3 - 4 HS phân tích tiếng.  + 2 – 3 HS nêu cách ghép.  - HS đọc trơn đồng thanh.  - HS: Tranh vẽ con suối.  - HS quan sát.  - 1 HS tìm  - HS: Tiếng suối có vần uôi  - HS đọc cá nhân - đồng thanh.  - HS nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ.  - Lớp đọc đồng thanh một số lần  - HS đọc theo nhóm | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  - Hs đánh vần  - Hs gài vần  - Hs đọc  - Hs đánh vần  - Hs đọc trơn |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ uôi, uôm và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: uôi, uôm  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: con suối, quả muỗm  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con:con suối, quả muỗm  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôi, uôm  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: con suối, quả muỗm  - HS lắng nghe | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôi, uôm  - Hs lắng nghe  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | **Hs Đại** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. | * HS thực hiện |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/42  - GV đưa chữ mẫu lên bảng:  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc: con suối, quả muỗm  - HS: con chữ q cao 4 dòng li  Con chữ s cao hơn 2 dòng li  Các con chữ còn lại cao 2 dòng li  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở.  - HS lắng nghe. | - HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - Yêu cầu HS mở SHS/145  - GV yêu cầu HS đọc thầm: “*Buổi sớm mai, ông mặt trời nhô lên từ biển. Mặt biển nhuộm màu xanh biếc. Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời. Xa xa là những cánh buồm căng gió. Phía bến cảng, những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*.” Tìm tiếng có chứa vần mới vừa học.  - GV giải nghĩa từ: đàn hải âu, bến cảng (chiếu hình ảnh)  - GV đọc mẫu câu ứng dụng (Chú ý đọc với ngắt nghỉ hơi đúng nhịp.)  *Buổi sớm mai,/ ông mặt trời nhô lên từ biển.// Mặt biển nhuộm màu xanh biếc.// Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời.// Xa xa là những cánh buồm căng gió.// Phía bến cảng,/ những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*.//  - Gọi HS đọc.  - Nhận xét, sửa sai (nếu có).  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và TLN2 trả lời các câu hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Buổi sớm mai, mặt biển được tả như thế nào?  + Có thể nhìn thấy những gì trên trời và trên biển vào lúc đó?  + Em có yêu biển không ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV hỏi thêm:  + Em đã được ba mẹ cho đi tắm biển chưa ? Em sẽ làm gì để giữ vệ sinh môi trường của biển?  - GV liên hệ: Để bãi biển của chúng ta luôn sạch đẹp thì chúng ta cần phải nhớ không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào thùng rác đúng nơi quy định. Và các em chỉ được phép đi tắm biển khi ba mẹ đồng ý, chú ý mặc áo phao, không tự ý ra xa bờ biển. | - HS thực hiện.  - HS: nhuộm, buồm.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe.  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS quan sát. HSTLN2 và đại diện trả lời: 2 - 3 em.  + Vẽ biển, chim hải âu, thuyền buồm, …  + Mặt biển được tả rất đẹp, …  + Chim hải âu, mặt trời, mây, …  + HS trả lời.  - HS lắng nghe.  + Em đã được đi tắm biển cùng ba mẹ, …. Em sẽ không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào thùng rác đúng nơi quy định. |  |
| **(5’)6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những phương tiện gì trong tranh?  + Em có biết tên những phương tiện đó không?  + Em có biết các phương tiện này di chuyển bằng cách nào không?    + Theo em, phương tiện nào di chuyển nhanh hơn?  + Nếu đi lại trên biển, em chọn phương tiện nào? Vì sao?  - GV chốt: Khi chúng ta tham gia giao thông trên biển thì chúng ta phải lưu ý luôn đi cùng người lớn, mặc áo phao ngồi ngay ngắn không chạy nhảy hay bám vào thành tàu …  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, kể them 1 vài phương tiện đi trên biển mà em biết.  - Đại diện nhóm kể.  - GV và HS nhận xét. | - HS quan sát.  - Em nhìn thấy tàu thủy, thuyền buồm, thúng ở trong tranh  - HS trả lời  - Tàu thủy di chuyển bằng động cơ máy móc, thuyền buồm nhờ gió đẩy cánh buồm, thúng nhờ người chèo  - Tàu thủy  - HS trả lời.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - HS thực hiện: 2 - 4 nhóm.  - HS nhận xét bạn. |  |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi: **“Ai là nhà vô địch”**  GV chia lớp làm 2 đội, đội nào tìm được nhiều từ ngữ chứa âm vừa học thì chiến thắng. Sau đó gọi 1 số HS đặt câu với các từ đã tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn dò HS tự tìm một số từ ngữ chứa các vần uôi, uôm và đặt câu với từ ngữ tìm được*.*  Bài sau : bài 67 : uôc – uôt | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện. |  |

**TOÁN**

**Tiết 42:**  **LUYỆN TẬP (tiết 2)**

**I. CÁC YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giãi quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép trừ đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu, bảng con..

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **Hs Đại** |
| A. Hoạt động khởi động: 10p  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học. |  | * Hs tham gia |
| **Bài 3.** HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: 6 + 3 = 9; 3 + 6 = 9; 9 - 3 = 6; 9 — 6 = 3; ... | Hs quan sát mẫu và lựa chọn các phép tính thích hợp. |  |
| Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. |  |  |
| Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. |  |
| *Ví dụ:*  + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn? |  |  |
| Chọn phép cộng 5 + 3 = 8 hoặc 3 + 5 = 8.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?  Chọn phép trừ 8 - 3 = 5. |  |  |
| + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?  Chọn phép trừ 8 - 5 = 3. |  |  |
| - GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản. |  |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập: 15p  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). | - HS thực hiện | Hs thực hiện |
| - GV tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và nguợc lại. |  |  |
| Bài 2  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi* 10 để tính). | - HS thực hiện | Hs thực hiện |
|  | - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột: |  |
| a)Ngầm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể. |  |  |
| b)Ngầm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.  Chia sẻ truớc lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS cúng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |  |  |
|  |  |  |
| D.Hoạt động vận dụng: 5p  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10. | -HS nêu, nhận xét |  |
| E.Củng cố, dặn dò: 5p  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |  |

**Ngày soạn: 11/12/2022**

**Ngày giảng: Thứ ba ngày 13 tháng 12 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 67: UÔC – UÔT ( tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần uôc, uôt; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần uôc, uôt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần uôc, uôt; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần uôc, uôt.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôc, uôt có trong bài học.

Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm đi dự sinh nhật bạn như: chuẩn bị quà đi dự sinh nhật bạn, nói lời chúc mừng sinh nhật bạn,...Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết những sự vật, hoạt động liên quan đến những sinh hoạt thường nhật trong gia đình, sự chăm sóc, tình cảm mẹ con qua việc quan sát tranh (1. Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà; 2. Mẹ đưa Hà đi chơi công viên; 3. Chuẩn bị đi dự sinh nhật bạn).

- Cảm nhận được tình cảm gia đình, nhất là tình cảm giữa mẹ và con và sự chăm sóc của mẹ đối với con.

 \***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần uôc, uôt. Biết tô chữ uôc, uôt.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | **Hs Đại** |
| **5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  Tổ chức trò chơi: “**Nhìn hình đoán chữ”**  GV chiếu hình ảnh, HS đoán từ ngữ dựa vào hình ảnh đó. HS nào trả lời đúng sẽ được thưởng một tràn pháo tay. Sau đó HS phân tích tiếng chứa vần đã học.  *muối i ốt, con muỗi, thuyền buồm*  *nhuộm tóc, buổi tối, luộm thuộm*  - GV tuyên dương HS sau mỗi lần đọc đúng.  - GV cho HS đọc lại các từ vừa đoán được.  - GV tổng kết trò chơi.  - GV cho HS đọc lại đoạn ứng dụng: *Buổi sớm mai, ông mặt trời nhô lên từ biển. Mặt biển nhuộm màu xanh biếc. Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời. Xa xa là những cánh buồm căng gió. Phía bến cảng, những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*..  GV nhận xét – tuyên dương.  - Dẫn vào bài: | - HS tham gia trò chơi và đọc.  - HS vỗ tay.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS lắng nghe. | Hs tham gia trò chơi và đọc những vần, tiếng dễ  - HS vỗ tay. |
| **B. BÀI MỚI** |  |  |
| **(8’)1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV đọc câu dưới tranh: Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV yêu cầu HS đọc lại câu nhận biết một số lần:  Mẹ vuốt tóc/ và buộc nơ cho Hà.//  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng: vuốt chứa vần uôt, tiếng: buộc chứa vần uôc, được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học vần uôt, uôc.  - GV viết tên bài lên bảng:  Bài 67: uôt, uôc | + HS: Em thấy mẹ vuốt tóc và buộc tóc cho bé.  - HS đọc theo.  - HS đọc theo.  - HS lắng nghe. | Hs lắng nghe |
| **(15’)2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần**  \* Vần uôt:  - GV giới thiệu vần uôc  - GV đánh vần mẫu  - Yêu cầu HS đọc trơn uôc  - Yêu cầu gài vần uôc  \* Vần uôc: Tương tự uôc  - Yêu cầu HS so sánh uôc và uôt  - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau đó.  - Yêu cầu đọc đồng thanh 2 vần 1 lần  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: buộc  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “uôc”, muốn có tiếng “buộc” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “buộc”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “buộc”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “buộc”.  **\* Đọc tiếng trong SHS:**  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: cuốc, luộc, ruốc, thuộc  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các vần  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: buốt, muốt, ruột, tuột  - Đọc tất cả các tiếng  - YC HS gài vào bảng gài các tiếng có chứa vần uôc, uôt; trao đổi cùng bạn cùng bàn.  - GV cho một số em lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu hs đọc, H:  + Đọc tiếng chứa vần uôc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  + Đọc tiếng chứa vần uôt, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  - GV yêu cầu HS đọc trơn ĐT những tiếng vừa ghép được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “ngọn đuốc”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “ngọn đuốc”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “đuốc”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “ngọn đuốc”  \* Tương tự: viên thuốc, con chuột  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS gài vần uôt  - HS: giống nhau đều có nguyên âm đôi uô, khác nhau uôt có âm t ở sau, uôc có âm c.  - HS nghe.  - HS đọc  - HS lắng nghe.  - HS nêu : thêm âm b trước vần uôc và dấu nặng dưới âm ô  - 4-5 HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh.  - 4 – 5 HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh  - HS: Giống nhau là các tiếng trên đều có vần uôc.  - HS đánh vần nối tiếp.  - HS đọc trơn cá nhân, ĐT.   * 3 - 4 HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai vần. * 2 HS đọc trơn tất cả các tiếng, ĐT.   - HS TLN 2.  - HS đại diện trình bày.  - HS đọc  - 3 - 4 HS: phân tích tiếng.  - 2 – 3 HS nêu cách ghép.    - HS đọc trơn đồng thanh.  - HS: Tranh vẽ ngọn đuốc  - HS quan sát.  - HS: Tiếng đuốc, chứa vần uôc.  - 1 HS phân tích tiếng đuốc; 1 HS đánh vần.  - HS đọc trơn.  - HS nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS dọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ.  - Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc theo nhóm, ĐT. | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  Hs đánh vần  Hs đánh vần |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ uôt, uôc và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: uôc, uôt  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: ngọn đuốc, con chuột  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con: ngọn đuốc, con chuột  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôt, uôc  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: ngọn đuốc, con chuột  - HS lắng nghe | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôt, uôc |

**Tiết 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | **Hs Đại** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. | * HS thực hiện * Hs đánh vần |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/42 - 43  - GV đưa chữ mẫu lên bảng: ngọn đuốc, con chuột  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc  - HS: t cao 3 dòng li.  đ cao 4 dòng li.  g, h cao 5 dòng li.  Các con chữ còn lại cao 2 dòng li.  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. | Hs quan sát  HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - Yêu cầu HS mở SHS/147  - GV yêu cầu HS đọc thầm: *Mẹ cho Hà đi công viên. Cô bé rất thích thú và háo hức. Hà mặc váy trắng, đi giày màu hồng. Mẹ còn vuốt tóc và buộc nơ cho Hà. Mẹ bảo Hà khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng, lịch sự.*  Tìm tiếng có chứa vần uôc, uôt  - GV giải nghĩa từ:  háo hức : nóng lòng chờ điều vui.  ăn mặc gọn gàng, lịch sự: ăn mặc đẹp, sạch sẽ, phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với nơi mình đến  GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV đọc mẫu câu ứng dụng  *Mẹ cho Hà đi công viên.// Cô bé rất thích thú và háo hức.// Hà mặc váy trắng,/ đi giày màu hồng.// Mẹ còn vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.// Mẹ bảo Hà khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng,/ lịch sự.//*  - Gọi HS đọc.  - Nhận xét, sửa sai (nếu có).  - GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng, TLN2 và trả lời các câu hỏi:  + Mẹ cho Hà đi đâu?  + Từ ngữ nào thể hiện Hà rất vui?  + Hà mặc gì khi đi chơi?  + Theo mẹ Hà, khi đi chơi, cẩn phải ăn mặc như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS thực hiện.  - HS: buộc, vuốt  - HS lắng nghe.  - 5 câu    - HS lắng nghe.  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS trả lời: 2 - 3 em.  + Mẹ cho Hà đi công viên  + Từ ngữ thích thú và háo hức thể hiện Hà rất vui.  + Hà mặc váy trắng, đi giày màu hồng.  + Theo mẹ Hà, khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng, lịch sự.  - HS lắng nghe. |  |
| **5’)6. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh?  + Các bạn ấy đang làm gì?    + Em đã bao giờ làm những việc đó chưa? Nếu đã làm, em có cảm thấy thích thú khi làm việc đó không?  - GV và HS thống nhất nội dung tranh.  - Yêu cầu HS TLN2 để chia sẻ về món quà mà mình đã tự chuẩn bị ở nhà để tặng sinh nhật bạn hay người thân  - Vài nhóm chia sẻ trước lớp. Sau đó, đóng vai người nhân quà và người tặng quà.  - GV và cả lớp nhận xét – tuyên dương.  - GV liên hệ : khi tặng quà hay được nhận quà đều phải lịch sự. Tặng quà kèm lời chúc mừng, đưa bằng 2 tay, nhận quà cần biết cảm ơn và nhận bằng 2 tay. | - HS quan sát.  + Bạn trai, bạn gái, hộp quà, tấm thiệp.  + Bạn trai gói quà sinh nhật, bạn gái trang trí thiệp sinh nhật.  - HS trả lời  - HS tham gia TLN.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe. |  |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi: **“Ai là nhà vô địch”**  GV chia lớp làm 2 đội, đội nào tìm được nhiều từ ngữ chứa vần uôc, uôt vừa học thì chiến thắng. Sau đó gọi 1 số HS đặt câu với các từ đã tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn dò HS tự tìm một số từ ngữ chứa các vần uôc, uôt và đặt câu với từ ngữ tìm được*.*  Bài sau : bài 68 : uôn – uông | - HS tham gia. |  |

**TOÁN**

**Bài 33. LUYỆN TẬP (** tiết 3)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG CHUẨN BỊ**

* Các thẻ số và phép tính.
* Một số tình huống đơn giản dần tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** | | **Hs Đại** |
| **A. Hoạt động khởi động**  HS chia sẻ các tình huống có phép cộng hoặc trừ (trong phạm vi 10) trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**   * Cá nhân HS làm bài 1:   + Tìm các số phù họp cho mỗi ô ? .  + Củng cố nhận biết về quan hệ cộng - trừ.   * Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. * GV chố*t lại cách làm bài; gọi một vài cặp HS chia sẻ cách làm cho cả lóp nghe.*   **Bài 2**  - Cá nhân HS làm bài 2: Dựa vào hình ảnh trực quan để tìm số phù hợp cho mỗi ô dấu ? (HS có thể dựa vào phép đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10để tìm số thích hợp trong ô trống)  - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính tương tự để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.  **Bài 3.** HS làm tương tự như bài 2: Quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ? . GV có thể tổ chức thành trò chơi vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyết.  **Bài 4**  - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô ? rồi chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp.  *Ví dụ:* Có tất cả 6 chú voi. Có 2 chú voi đang căng băng rôn. Có bao nhiêu chú voi đứng ở sau băng rôn?  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.  **Bài 5.** Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ:* Có 9 con gà. Có 3 con gà đang đứng ngoài lùm cây. Có bao nhiêu con gà đang nấp trong bụi cây?  **C. Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một sổ tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 và làm quen với việc tìm một thành phần chưa biết của phép tính.  **D. Củng cố, dặn dò**  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | | Hs chia sẻ tình huống trong thực tế để chia sẻ cùng các bạn.  - hs làm bài  - Hs đổi vở, đặt câu hỏi và nói cho nhau nghe về tình huống tương ứng.  - Hs lắng nghe  - Hs làm bài  - Hs đặt câu hỏi và chia sẻ trước lớp các tình huống  Hs lắng nghe  Hs làm bài  Hs tham gia chơi  Hs quan sát tranh và tìm số thích hợp trong ô.  Hs chia sẻ  Hs quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh và chia sẻ trước lớp  Hs lắng nghe | Hs tham gia  Hs làm bài |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**BÀI 9: PHÒNG TRÁNH BỊ BẮT NẠT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

-Nhận diện được các biểu hiện của bắt nạt và bị bắt nạt

-Nhận thức được quyền được bảo vệ, không bị xâm phậm thân thể và tổn thương tinh thần

-Biết tự bảo vệ để tránh bị bắt nạt

-Hình thành phẩm chất trách nhiệm

**\*Mục tiêu riêng của hs Đại:** lắng nghe và có thể trả lời 1 -2 câu hỏi đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.Giáo viên:**

-Video băng nhạc bài hát *Em ơi hãy kể*

- Các tranh về các hình thức bắt nạt

- Các hình thức bắt nạt thường xuất hiện ở địa phương

**2.Học sinh:**

- Nhớ lại: Những tình huống bản thân hoặc bạn bè bị bắt nạt

- Nhớ lại các quyền của trẻ em liên quan đến quyền được bảo vệ tinh thần và thân thể

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Khởi động:**  -GV tổ chức cho HS nghe bài hát Em ơi hãy kể.  -Hỏi: Sau khi nghe bài hát này, em rút ra được điều gì?  -GV chốt và dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá, kết nổi:**  **Hoạt động 1: Hành động bị bắt nạt và cách ứng xử**  **a)Nhận biết các hành động bắt nạt**  -GV yêu cầu HS xem tranh ở HĐ 1, sử dụng hiểu biết của mình để xác định các hành động biểu hiện sự bắt nạt  -GV yêu cầu thảo luận theo cặp  -Đại diện các cặp HS xung phong nêu tranh thể hiện sự bắt nạt  -GV rà soát từng tranh, bổ sung phần giải thích vì sao tranh đó thể hiện sự bắt nạt  -Sau mỗi biểu hiện, GV dừng lại hỏi HS xem các em đã từng bị bắt nạt hoặc chứng kiến người khác đã bị bắt nạt như vậy chưa  -GV hỏi các em còn biết thêm các biểu hiện bắt nạt nào khác? Cách ứng xử của người bị bắt nạt như thế nào?  -GV nhận xét bổ sung thêm những biểu hiện khác của hành vi bắt nạt và chốt lại  **b) Lựa chọn cách ứng xử khi bị bắt nạt**  **bước 1: Làm việc cá nhân**  -GV yêu cầu HS quan sát 3 tranh/SGK/38 và cho biết, khi bị bắt nạt em sẽ làm gì? Khi nào thì em sẽ chọn thêm cách 2 hoặc cách 3  **Bước 2: Làm việc chung toàn lớp**  -GV hỏi cả lớp: Ai xung phong nói cách xử lí của mình?  **-Lưu ý:**  +Yêu cầu “Dừng lại” là phù hợp với quyền trẻ em, không ai có quyền bắt nạt trẻ; nếu kẻ bắt nạt không dừng lại thì phải dọa mách thầy, cô giáo (khi không có ai ở xung quanh giúp đỡ) hoặc kêu nhờ người giúp đỡ nếu có người ở gần đó  +Nếu HS lựa chọn cách yêu cầu: “Dừng lại” là đã khẳng định quyền trẻ em, và “mách cô giáo”. Hoặc kêu người giúp là đã vận dụng kĩ năng tìm kiếm sự giúp đỡ  -GV hỏi: Có em nào có cách ứng xử khác ngoài 3 cách trên không?  -GV khen ngợi HS có ý kiến riêng (nếu có)  -Nếu HS đưa ra những cách khác thì GV cần phân tích mặt tích cực và hạn chế của cách giải quyết mà các em nêu thêm. Hoặc phân tích thêm cách giải quyết nào là phù hợp trong từng bối cảnh khác nhau  -Gv chốt lại những hành động ứng xử cần thiết khi bị bắt nạt:  +Yêu cầu người có hành vi bắt nạt dừng lại  +Mách thầy, cô giáo (hoặc người có trách nhiệm)  +Kêu to để mọi người giúp đỡ  +Khi cần thiết phải gọi điện thoại số 111 để được giúp đỡ  **3. Thực hành:**  **Hoạt động 2: Xử lí các tình huống bị bắt nạt**  -GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu vận dụng cách xử lí tích cực đã tìm hiểu, thảo luận tìm cách xử lí các tình huống nhóm được giao  -GV yêu cầu HS nhận diện thực chất của hiện tượng bắt nạt ở tình huống 2 là sự chế giễu – hình thức bạo lực tinh thần  -Yêu cầu các nhóm xung phong thể hiện cách xử lí của nhóm mình trước lớp. Các nhóm còn lại tập trung quan sát và lắng nghe cách xử lí của nhóm bạn để nhận xét, góp ý  -GV hỏi HS có nhóm nào có cách xử lí khác  **Lưu ý:**  -Nếu HS lựa chọn phương án xử lí “Từ chối không đưa” trong tình huống 1 hoặc nói “Các bạn không được nói tớ như vậy” trong tình huống 2 thì GV cần hỏi thêm: Nếu người bắt nạt không dừng lại thì em cần làm gì?  -Nếu HS trả lời được tiếp là “Em sẽ thưa cô giáo” hoặc “Kêu to nhờ người khác giúp đỡ” là câu trả lời đúng  -Còn nếu HS không có cách giải quyết khác thì GV cùng cả lớp phân tích cách xử lí của 2 nhóm. GV giải thích, bổ sung và chốt lại cách xử lí phù hợp  -**Kết luận:** Khi bị bắt nạt, em cần nói để học dừng lại, nếu không được phải báo cho người lớn biết để được giúp đỡ và thoát khỏi tình trạng bị bắt nạt  **3. Vận dụng:**  **Hoạt động 3: Thực hiện ứng xử phù hợp khi bị bắt nạt trong cuộc sống hằng ngày**  -Yêu cầu HS về nhà thực hiện ứng xử phù hợp nếu gặp các tình huống bị bắt nạt trong gia đình và ở nơi công cộng  -Yêu cầu các bạn cư xử thân thiện với bạn bè trong và ngoài lớp học  **Tổng kết:**  -GV yêu cầu HS chia sẻ những điều thu hoạch/ học được/ rút ra bài học kinh nghiệm sau khi tham gia các hoạt động  -GV đưa ra thông điệp và yêu cầu nhắc lại: *Khi bị bắt nạt, ép buộc, em phải nói “Không” và tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người đáng tin cậy*  **4. Củng cố, dặn dò:**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS tham gia  -HS thực hiện theo yêu cầu  -Thảo luận theo cặp  -HS trình bày  -Lắng nghe  -HS chia sẻ  -HS chia sẻ  -Lắng nghe  -Quan sát tranh, trả lời câu hỏi  -Trả lời, nhận xét  -HS lắng nghe  -HS nêu suy nghĩ  -Hs lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS nhận diện  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe, nhắc lại  -HS lắng nghe | HS tham gia  Hs xem tranh  thảo luận theo các bạn  lắng nghe  Hs trả lời |
|  |

**Ngày soạn: 12/12/2022**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 14 tháng 12 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 68: UÔN, UÔNG (TIẾT 1-2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần uôn, uông; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôn, uông; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần uôn, uông (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần uôn, uông.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôn, uông có trong bài học.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần uôn, uông. Biết tô chữ uôn, uông

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học sinh**: SHS, bộ đồ dùng TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động: 5p**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng uôt, uôc  **2. Nhận biết: 3p**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đoc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Chuồn chuồn bay qua/ các luống rau.  - GV gìới thiệu các vần mới uôn, uông. Viết tên bải lên bảng.  **3. Đọc: 15p**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV gìới thiệu vần uôn, uông.  + GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh các vần uôn, uông để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần uôn, uông.  + GV yêu cầu một số (4-5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.  + GV yêu cầu ớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ n, ghép ng vào để tạo thành uông.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôn, uông một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV gìới thiệu mô hình tiếng chuồn. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng chuồn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng chuồn . Lớp đánh vần đồng thanh tiếng chuồn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng chuồn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng chuồn.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng női tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôn, uông.  + GV yêu cầu 1-2HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c**. Đọc từ ngữ: 7p**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: cuộn chỉ, buồn chuối, quả chuông.  Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn cuộn chỉ, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ cuộn chỉ xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôn trong cuộn chỉ, phân tích và đánh vần tiếng cuộn, đọc trơn từ ngữ cuộn chỉ.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với buồn chuối, quả chuông.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ: 5p**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng: 5p**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần uôn, uông.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôn, uông.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôn, uông và cuộn, buồng. (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -HS trả lời  -Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs so sánh  -Hs lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm  -HS ghép  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  -HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  -HS phân tích  -HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  -HS lắng nghe, quan sát  -HS nói  -HS nhận biết  -HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  -HS lắng nghe, quan sát  -HS viết  -HS nhận xét  -HS lắng nghe | Hs chơi  Hs viết bảng  Hs quan sát tranh  Hs lắng nghe  Hs lắng nghe và quan sát tranh  -Hs lắng nghe  -HS đánh vần  Hs đọc  Hs đọc trơn  Hs tìm trong bộ thẻ chữ  Hs đánh vần  Hs viết |

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Viết vở: 15p**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ach, êch,ich ; từ cuộn chỉ, buồng chuối  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn: 10p**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần uôn, uông.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôn, uông trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi thanh một lần. một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng  - GV yêu cầu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Những dấu hiệu nào báo hiệu trời sắp mưa?  + Từ ngữ nào miêu tả tiếng mưa rơi xuống rất mạnh?  + Cảnh vật sau con mưa được miêu tả như thế nào?  **7. Nói theo tranh: 8p**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng cầu hỏi và HS trả lời theo từng cầu:  Các em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh?  Bức tranh thể hiện những hiện tượng thời tiết nào?  Em có thích những hiện tượng thời tiết đó không? Vì sao?  **8. Củng cố: 2p**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần uôn, uông và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần uôn, uông và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs tìm  - HS lắng nghe | HS lắng nghe  -HS viết |

TIẾNG VIỆT:

**BÀI 69: ƯƠI, ƯƠU ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ươi, ươu; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ươi, ươu; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần ươi, ươu (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ươi, ươu

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ươi, ươu có trong bài học.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ươi, ươu. Biết tô chữ ươi, ươu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học sinh**: SHS, bộ đồ dùng TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động: 5p**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng uôn, uông  **2. Nhận biết: 3p**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Chim khướu biết bắt chước/ tiếng người.  - GV gìới thiệu các vần mới ươi, ươu. Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc: 15p**  **a. Đọc vần**  + GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh các vần ươi, ươu để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần ươi, ươu.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần. Một số (4 -5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ươi.  + HS tháo chữ i, ghép u vào để tạo thành iêu.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ươi, ươu một số lần.  **b. Đọc tiếng: 5p**  -Đọc tiếng mẫu  + GV gìới thiệu mô hình tiếng người. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng người.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng người. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng người.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng người. Lớp đọc trơn đóng thanh tiếng biết.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nổi tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần ươi, ươu.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ: 5p**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: tươi cười, quả bưởi, ốc bươu.  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn tươi cười, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ tươi cười xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ươi trong tươi cười, phân tích và đánh vần từ tươi cười, đọc trơn từ ngữ tươi cười.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với quả bưởi, ốc bươu.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ : 2p**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng: 5p**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ươi, ươu. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ươi, ươu.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: ươi, ươu , cười, bươu. (chữ cỡ vừa).  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn,  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -HS trả lời  -Hs nói  - HS đọc  - HS lắng nghe  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu.Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm  -HS ghép  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  -HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  -HS phân tích  -HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  -HS lắng nghe, quan sát  -HS nói  -HS nhận biết  -HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  -HS quan sát  -HS viết  -HS nhận xét  -HS lắng nghe | -Hs chơi  -HS viết  Hs quan sát tranh  Hs lắng nghe  Hs lắng nghe  Hs đánh vần  Hs đọc trơn  Hs ghép  Hs đọc  Hs đánh vần  Hs đọc  Hs ghép  Hs viết |

**Ngày soạn: 13/12/2022**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 15 tháng 12 năm 2022**

TIẾNG VIỆT:

**BÀI 69: ƯƠI, ƯƠU ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ươi, ươu; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ươi, ươu; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần ươi, ươu (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ươi, ươu

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ươi, ươu có trong bài học.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ươi, ươu. Biết tô chữ ươi, ươu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học sinh**: SHS, bộ đồ dùng TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Viết vở: 15p**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ươi, ươu; từ ngữ tươi cười, ốc bươu.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn: 10p**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ươi, ươu.  - GV yêu cầu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗ HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ươi, ươu trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một cầu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Lạc đà có bộ phận gì đặc biệt? Bộ phận đó nằm ở đầu?  + Vì sao lạc đà có thể sống nhiều ngày mà không cần ăn uống:  + Lạc đà có lợi ích gì đối với con người?  **7. Nói theo tranh: 8p**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Các em nhìn thấy những con vật nào trong tranh?  Em có biết từng con vật trong tranh có những lợi ích gì không?  - GV cần giúp HS hiểu đưoc lợi ich của một số vật nuôi, sự gắn gũi của vật nuôi với con người. Vì vậy chúng ta cần biết yêu thương vật nuôi, không được lạm dụng và ngược đãi chúng.  **8. Củng cố: 2p**  GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ươi, ươu và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần ươi, ươu và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát .  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS tìm  -HS làm | Hs viết  Hs lắng nghe  Hs lắng nghe |

TIẾNG VIỆT

**BÀI 70: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể chuyện Chuột nhà và chuột đồng và trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS trân trọng cuộc sống tự do, tự chủ và yêu quý những gì do chính mình làm ra.

- Thêm yêu thích môn học

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bộ đồ dùng,sidle trình chiếu

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng**,** bảng con, phấn, vở Tập viết, SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động: 5p**  - HS viết uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ: 8p**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **3. Đọc đoạn: 5p**  -GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Ông trồng những loại cây nào?  Các loài cây ấy đang ở vào thời điểm nào? Ông nuôi những con vật gì?  Những con vật ấy có gì đặc biệt?  **4. Viết cầu: 12p**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “Khóm chuối đã trổ buồng” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4-5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe | Hs viết  Hs đánh vần  Hs đọc  Hs lắng nghe  Hs viết |

**ĐẠO ĐỨC**

**GIỮ GÌN TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG, LỚP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học này, HS sẽ:

- Biết được ý nghĩa của việc giữ trật tự trong trường, lớp; khi nào cẩn giữ trật tự trong trường, lớp.

- Thực hiện được việc giữ trật tự trong trường, lớp.

- Nhắc nhở bạn bè cùng giữ trật tự trong trường, lớp.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết lắng nghe và trả lời được 1-2 câu hỏi đơn giản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;

- Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mếu, bài thơ, bài hát,... gắn với bài học

“Giữ trật tự trong trường, lớp”;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **. Khởi động**  Tổ chức hoạt động tập thể- hát bài "Em yêu trường em"  - GV tổ chức cho HS hát bài “Em yêu trường em”.  - GV đặt cầu hỏi:  + Trong bài hát có nhắc tới những gì? (Trường lớp, bàn ghê, sách vở, thấy cô, cácbạn,...)  + Bài hát nói về điều gì? (Bài hát nói về tình yêu của các bạn HS với mái trường  thân yêu.)  Kết luận: Chúng ta đang học dưới mái trường thân yêu có thầy cô, bè bạn, bàn ghế,sách vở,... Để thể hiện tình yêu với mái trường, chúng ta phải cùng nhau giữ gìn tàisản của trường, lớp.  2. Khám phá  Hoạt động 1 Tìm hiểu vì sao phải giữ gìn tài sản của trường, lớp  - GV treo/chiếu tranh ở mục Khám phá lên bảng để HS quan sát (hoặc HS quan sát tranh trong SGK).  - GV nêu yêu cầu:  + Em hãy nhận xét về hành vi của các bạn trong tranh.  + Vì sao em cẩn giữ gìn tài sản của trường, lớp?  - HS quan sát, lắng nghe, thảo luận cặp đôi, trả lời từng câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời tốt.  Kết luận:  - Hành vi đứng lên bàn, ghế để đùa nghịch của hai bạn trong tranh là sai, em khôngnên làm theo bạn.  - Giữ gìn tài sản của trường, lớp là nhiệm vụ của mỗi HS. Giữ gìn tài sản của trường,lớp giúp em có điều kiện để học tập, sinh hoạt ở trường, lớp được tốt hơn.  Hoạt động 2: Khám phá những việc cần làm để giữ gìn tài sản của trường, lớp  - GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh nhỏ trong mục Khám phá (SGK) và thựchiện theo yêu cầu: Em hãy kể tên các tài sản của nhà trường. Để giữ gìn các tài sảnđó, em cần làm gì?  - HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời đúng.  Kết luận:  - Tài sản của trường, lớp bao gồm: bàn ghế, bảng, cửa, cây cối, tường, nước, đồ dùngthiết bị dạy học,...  - Những việc em cần làm để giữ gìn tài sản của trường, lớp là: khoá vòi nước khi dùngxong; tắt điện khi ra khỏi phòng; không nhảy lên bàn ghế; giữ gìn sách, truyện trongthư viện; lau cửa sổ lớp học; không vẽ lên tường,...  3. Luyện tập  Hoạt động 1Em chọn việc làm đúng  - GV treo/chiếu tranh lên bảng (hoặc HS quan sát tranh trong SGK), giao nhiệm vụcho các nhóm: Hãy quan sát bốn bức tranh trong mục Luyện tập (SGK), sau đó thảoluận, lựa chọn việc làm đúng.  - HS thảo luận, cử đại diện nhóm lên bảng, dán sticker mặt cười vào việc nên làm,sticker mặt mếu vào việc không nên làm. HS cũng có thể dùng thẻ học tập hoặcdùng bút chì đánh dấu vào tranh.  - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi nhóm có câu trả lời đúng.  Kết luận:  - Việc làm đúng: Tắt điện, đóng cửa sổ khi ra khỏi phòng (tranh 1); Nhắc nhở bạnkhoá vòi nước khi không dùng nữa (tranh 2).  - Việc em không nên làm là: Viết lên bàn (tranh 3); Vẽ lên tường lớp học (tranh 4).  Hoạt động 2Chia sẻ cùng bạn  - GV nêu yêu cầu: Em hãy chia sẻ với bạn những việc em đã làm để giữ gìn tài sản củatrường, lớp.  - GV tuỳ thuộc vào thời gian của tiết học có thể mời một số em chia sẻ trước lớp hoặc các em chia sẻ theo nhóm đôi.  - HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.  - GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết giữ gìn tài sản của trường, lớp.  Kết luận: Để có môi trường học tập tốt em cẩn thực hiện nội quỵ giữ gìn tài sản củatrường, lớp.  4. Vận dụng  Hoạt động 1:Xử lí tình huống  - GV treo hoặc chiếu tranh lên bảng và yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận và đưara phương án xử lí trong tình huống: Em sẽ làm gì khi thấy một bạn đang hái hoatrong vườn hoa của nhà trường?  Gợi ý: HS có thể đưa ra các cách xử lí khác nhau: 1/ Báo với cô giáo chủ nhiệm hoặcbảo vệ; 2/ Khuyên bạn không nên làm thế; 3/ Mặc kệ bạn;...  - GV cho HS trình bày các cách xử lí, phân tích để lựa chọn cách xử lí tốt nhất.  Kết luận: Em cần biết giữ gìn tài sản của trường, lớp bằng những hành động cụ thể.  Hoạt động 2 Em cùng bạn nhác nhau giữ gìn tài sản của trường; lớp  Tuỳ năng lực HS và thời gian của bài học, GV có thể yêu cẩu HS đóng vai tình huốngở hoạt động Luyện tập với cách xử lí nhắc bạn không nên viết lên bàn, viết lên tường.HS cũng có thể tưởng tượng ra một tình huống khác với hành động nhắc nhau cùnggiữ gìn tài sản của trường, lớp.  Kết luận: Các em cần nhắc nhau luôn giữ gìn tài sản của trường, lớp.  Thông điệp:GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vàoSGK), đọc. | Hs hát  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs lắng nghe  Hs lắng nghe | Hs hát  Hs trả lời  Hs lắng nghe |

TIẾNG VIỆT

**BÀI 70: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôn, uông ,ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể chuyện Chuột nhà và chuột đồng và trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS trân trọng cuộc sống tự do, tự chủ và yêu quý những gì do chính mình làm ra.

- Thêm yêu thích môn học

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bộ đồ dùng,sidle trình chiếu

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng**,** bảng con, phấn, vở Tập viết, SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Kể chuyện:**  **a. Văn bản: 12p**  CHUỘT NHÀ VÀ CHUỘT ĐỒNG  Một hôm, chuột nhà về quê thăm chuột đồng. Chuột đồng liền chui vào góc hang bê thức ăn ra mời chuột đồng. Đó chỉ là những thân cây đã khô queo, những củ quả vẹo vọ mà chuột đồng đã khó nhọc tìm kiếm, nhặt nhạnh trên những cánh đồng làng. Chuột nhà bĩu môi:  -Thế mà cũng gọi là thức ăn à? Ở thành phố thức ăn sạch sẽ, ngon lành mà lại dễ kiếm.  Thôi cậu lên thành phố với tớ đi, no đói có nhau.  Nghe bùi tai, chuột đồng bỏ quê lên thành phố. Tối đầu tiên đi kiếm ăn, chuột nhà phân công:  - Tổ sẽ vào nhà khuân thức ăn ra, rối cậu tha về hang nhé.  Vừa đi được một lát, chuột nhà đã hớt hải quay lại:  - Một con mèo đang rượt theo.  Hai con vội chui tọt vào hang. Thấy chuột đồng lo sợ, chuột nhà an ủi:  -Thua keo này, bày keo khác. Ta sẽ đi lõi khác kiếm ăn.  Lần này chúng mò đến kho thực phẩm. Vừa lúc ấy, chủ nhà mở kho để lấy hàng. Một con chó dữ dần cử nhằm vào hai con chuột mà sủa. Chúng đành phải rút về hang với cái bụng đói meo. Sáng hôm sau, chuột đồng thu xếp hành lí, vội chia tay chuột nhà:  - Thôi, tớ về quê đày. Thà gặm mấy thứ xoàng xĩnh do chính tay mình làm ra còn hơn.  Ở đây, thức ăn thì có vẻ ngon đấy nhưng không phải của mình, lúc nào cũng phải lo lắng, đề phòng, sợ lắm!  **b. GV kể chuyện, đặt cầu hỏi và HS trả lời: 10p**  Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến bỏ quê lên thành phố. GV hỏi HS:  1. Khi chuột nhà đến chơi, chuột đồng đã thết đãi chuột nhà những gì?  2. Vì sao chuột nhà rủ chuột đồng lên thành phố  Đoạn 2: Từ Tối đáu tiên đi kiếm ăn đến Ta sẽ đi lối khác kiếm ăn. GV hỏi HS:  3. Tối đầu tiên đi kiếm ăn trên thành phố, chúng gặp phải chuyện gì?  4. Thất bại ở trong lần đầu kiếm ăn, chuột nhà đã an ủi chuột đồng như thế nào?  Đoạn 3: Từ Lần này đến cái bụng đói meo, GV hỏi HS:  5. Chuyện gì xảy ra khi chuột nhà và chuột đồng mò đến kho thực phẩm?  4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  6. Sau rất nhiều chuyện xảy ra, chuột đồng quyết định làm gi?  7. Chia tay chuột nhà, chuột đồng nói gì?  - GV có thể tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện: 10p**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ cầu chuyện. GV cần tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ cầu chuyện và thi kể chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả,  **6. Củng cố: 3p**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè cầu chuyện | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS kể  -HS lắng nghe | Hs lắng nghe  Hs trả lời dưới sự gợi ý của gv |

**Ngày soạn: 14/12/2022**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 16 tháng 12 năm 2022**

TIẾNG VIỆT

**ÔN LUYỆN TUẦN 14 ( Tiết 1)**

**LUYỆN VIẾT UÔC, UÔM, UÔN, UÔT, UÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các vần uôc, uôm, uôn,uôt, uông đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học. - -Thêm yêu thích môn học

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở ô ly mẫu chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  uôc, uôm, uôn,uôt, uông  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  uôc, uôm, uôn,uôt, uông  cưỡi ngựa, vuốt ve, nhuộm vải, trẻ thơ, nướu răng. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1,2 nộp vở. | Hs đánh vần  Hs viết vở |

**Toán**

**Tiết 42. LUYỆN TẬP**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.
* Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.
* \***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết tính một số phép tính đơn giản

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌ****C**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |  |
| **A. Hoạt động khởi động**  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.  **Bài 3.** HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: 6 + 3 = 9; 3 + 6 = 9; 9 - 3 = 6; 9 — 6 = 3; ...  Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.  **Bài 4**  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ:*  + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn?  Chọn phép cộng 5 + 3 = 8 hoặc 3 + 5 = 8.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?  Chọn phép trừ 8 - 3 = 5.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?  Chọn phép trừ 8 - 5 = 3.  - GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản.  **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**   * HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). * GV có thể tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và nguợc lại.   **Bài 2**   * Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi*10 để tính). * HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột:  1. Ngầm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể. 2. Ngầm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.   Chia sẻ truớc lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS cúng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.   1. **Hoạt động vận dụng**   HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10.  **\* Củng cố, dặn dò**  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - Hs tham gia  - Hs quan sát và nêu  - Hs quan sát tranh và kể cho các bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh  - Hs lắng nghe  - Hs làm bài tập  - Hs thực hiện  - Hs tìm kết quả  - Chia sẻ truớc lớp  - Hs chia sẻ | Hs lắng nghe  Hs quan sát  Hs thực hiện |

**ÔN LUYỆN TUẦN 14 ( Tiết 2 )**

**LUYỆN VIẾT UÔI, ƯƠI, ƯƠU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các uôi, ươi, ươu đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học. - -Thêm yêu thích môn học

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở ô ly mẫu chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  uôi, ươi, ươu  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  uôi, ươi, ươu,  muôm màu, luống cuống, lem luốc. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 3,4 nộp vở. | Hs đọc  Hs viết |

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 15**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

-GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

-HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời LT lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a. Sơ kết tuần học**  - LT mời lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - Lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi ban, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - LT nhận xét chung tinh thần làm việc của các TT và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà các TT đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - LT tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm, ban điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở nhóm, tổ nào cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - LT mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của Hội đồng tự quản, trưởng ban; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  - LT: Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  **-**LT yêu cầu các TT dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các tổ lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong mỗi tổ.  - LT cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các TT báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - LT Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.  - LT mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các tổ.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề:**  - GV nêu những yêu cầu để có lớp học an toàn, thân thiện như:  + Giúp nhau trong học tập, khi gặp khó khăn.  + Chơi hòa đồng với tất cả các bạn.  + Tự giác thực hiện những quy địng của trường, lớp. + Không bắt nạt nhau.  + Tránh gây ra sự không an toàn trong lớp.  - GV yêu cầu HS nêu lên những hành động tích cực, đáng khích lệ, cả những hành động không mong đợi đã thể hiện trong lớp cần khắc phục.  **4. Đánh giá:**  **a)Cá nhân tự đánh giá**  -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới dây:  -Tốt: Thực hiện thường xuyên được các yêu cầu sau:  + Nhận biết được các biểu hiện của bắt nạt.  + Biết ứng xử phù hợp khi bị bắt nạt.  -Đạt: Thực hiện được yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên.  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thường xuyên.  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  + Sự chuẩn bị cho hoạt động của chủ đề.  +Có hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong hợp tác nhóm không?  +Có tích cực, tự giác, có trách nhiệm khi tham gia hoạt động chung không?  **c) Đánh giá chung của GV**  -GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình. | -HS hát một số bài hát.  -Các TT nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các tổ.  - LT nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các tổ thực hiện theo LT.  - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - TT lên báo cáo.  -Tổ thảo luận.  - Cả lớp hát.  - TT báo cáo.  -LT nhận xét.  - HS kể cho giáo viên và các bạn cùng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS cam kết thực hiện các yêu cầu của lớp học an toàn, thân thiện.  -HS đánh giá theo sự hướng đẫn của GV.  -LT điều hành.  -GV đánh giá.  -HS lắng nghe |